

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Sản phẩm: **BARTON CUTTING PCX**

Số CAS: Chưa có thông tin.

Số UN: Chưa có thông tin.

Số đăng ký EC: Chưa có thông tin.

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Sản phẩm: **BARTON CUTTING PCX**

Ứng dụng sản phẩm: Dầu cắt gọt kim loại nhũ hóa.

Nhà cung cấp: Công ty TNHH TM&SX Dầu Khí Omni Lube Asia Việt Nam.

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Dầu gốc lọc từ dầu thô bằng chưng cất và khử hydro	64742-54-7	Hydrocarbon $C_{20}-C_{50}$	>80
Phụ gia tính năng	Hỗn hợp	Hỗn hợp	< 20

Với mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Mức xếp loại nguy hiểm: Không phân loại.

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất) :

Từ cảnh báo: Không có từ cảnh báo.
Cảnh báo nguy cơ: Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào

Các công bố về phòng ngừa

Ngăn chặn : Không áp dụng
Phản ứng : Không áp dụng
Lưu trữ : Không áp dụng
Xử lý : Không áp dụng

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết :

Tiếp xúc mắt Nếu tiếp xúc, dùng nhiều nước rửa mắt ngay ít nhất trong 15 phút. Các mí mắt phải được tách khỏi nhãn cầu để bảo đảm cho việc lau rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

Hít phải Nếu hít phải, đưa ra ngoài chỗ thoáng gió. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng.

Tiếp xúc ngoài da Rửa sạch da bằng xà phòng và nước hoặc dùng những chất làm sạch da đã được công nhận. Cởi quần áo và giày dép bị nhiễm. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng.

Nuốt phải Không được gây ói trừ khi nhân viên y tế đã cho chỉ thị. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng.

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần :

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị Nói chung điều trị cần hướng vào triệu chứng và nhằm vào việc giảm nhẹ mọi tác động.

Sơ cứu Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt:

Các chất chữa cháy phù hợp Trong trường hợp xảy ra cháy, sử dụng vòi nước phun sương, bình chữa cháy dạng bọt, hóa chất khô hoặc cacbon đioxit.

Các chất chữa cháy không phù hợp Dùng dòng tia nước.

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ.

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm Các sản phẩm đốt cháy có thể bao gồm những chất sau: carbon đioxit carbon monoxit

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy Nếu thấy có cháy, nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đưa tất cả mọi người ra khỏi khu vực đang xảy ra sự cố. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy Lính cứu hỏa phải mang thiết bị thở tự hành áp suất dương (SCBA) và đồ nghề đầy đủ.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Sử dụng



trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Sàn nhà có thể trơn, hãy cẩn thận để tránh bị ngã.

Cho các nhân viên cấp cứu

Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.

Đề phòng cho môi trường

Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch :

Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Hút bằng chất trợ rồi cho vào bình chứa chất thải thích hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn :

Biện pháp bảo vệ

Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8).

Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát

Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Rửa thật kỹ sau khi xử lý. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ

Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Chỉ cất giữ và sử dụng trong thiết bị/thùng chứa được thiết kế

riêng cho sản phẩm này. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

Không thích hợp

Phơi nhiễm lâu với nhiệt độ tăng cao

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát/ Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp :

Tên thành phần	Giới hạn phơi nhiễm
Dầu gốc - không phân biệt loại	ACGIH TLV (Hoa Kỳ). TWA: 5 mg/m ³ 8 giờ. Ban hành/Sửa Đổi: 11/2009 Dạng: Phần nhỏ có thể hít phải

Quy trình theo dõi đề nghị

Nếu sản phẩm này có những chất có giới hạn về phơi nhiễm, có thể cần theo dõi cá nhân, không khí nơi làm việc hay sinh học để xác định hiệu quả việc thông gió hay các biện pháp kiểm soát khác và/hay nhu cầu cần dùng thiết bị bảo vệ hô hấp. Cần tham khảo các tiêu chuẩn theo dõi phù hợp. Cũng cần phải tham khảo các hướng dẫn của quốc gia về các phương pháp xác định những chất nguy hiểm.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Tất cả các hoạt động liên quan đến hoá chất phải được đánh giá về mức độ rủi ro đối với sức khoẻ, để đảm bảo rằng việc phơi nhiễm được kiểm soát đúng mức. Thiết bị bảo hộ cá nhân chỉ được xem xét sau khi các biện pháp kiểm soát khác (nghĩa là kiểm soát về kỹ thuật) đã được đánh giá thích hợp. Thiết bị bảo hộ cá nhân cần phải theo tiêu chuẩn phù hợp, phù hợp cho việc sử dụng, giữ gìn và bảo quản tốt. Nhà cung cấp thiết bị bảo hộ cá nhân cần tư vấn để có lời khuyên về việc chọn lựa và tiêu chuẩn phù hợp. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với tổ chức tiêu chuẩn tại quốc gia bạn. Cung cấp hệ thống thông gió hay thiết bị kiểm soát khác để giữ nồng độ không khí liên quan ở dưới giới hạn độc hại nghề nghiệp tương ứng. Lựa chọn cuối cùng về thiết bị bảo hộ sẽ phụ thuộc vào mức độ đánh giá rủi ro. Điều quan trọng là phải đảm bảo rằng tất cả các hạng mục thiết bị bảo hộ cá nhân đều phải phù hợp.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường	Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.
--	--

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Biện pháp vệ sinh	Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.
--------------------------	---

Bảo vệ mắt	Kính bảo hộ có miếng che hai bên.
-------------------	-----------------------------------

Bảo vệ da/tay	Hãy đeo găng tay bảo hộ nếu có khả năng tiếp xúc kéo dài hoặc thường xuyên. Hãy đeo găng tay bảo hộ chống hoá chất. Khuyến nghị: Găng tay nitril. Sự lựa chọn đúng găng tay bảo hộ phụ thuộc vào các chất hóa học được xử lý, điều kiện làm việc và sử dụng, và tình trạng của găng tay (thậm chí găng tay chống chất hóa học tốt nhất sẽ bị rách sau sự phơi nhiễm hóa học liên tục). Hầu hết các găng tay chỉ có tác dụng bảo vệ trong một thời gian ngắn và phải được hủy bỏ và thay thế kịp thời. Do các môi trường làm việc cụ thể và thực tế thao tác với vật liệu thay đổi, các quy trình an toàn cần được xây dựng cho mỗi ứng dụng đã định. Vì thế, găng tay cần được chọn với sự tư vấn của nhà cung cấp/nhà sản xuất và với sự đánh giá đầy đủ về các điều kiện làm việc.
----------------------	--

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Bề ngoài :

Trạng thái vật lý	Chất lỏng
Màu sắc	Vàng nâu
Mùi	Mùi đặc trưng
pH hệ nhũ 5%	8.5-9.5
Điểm nóng chảy	Max- 9 °C
Điểm chớp cháy	Min 200 °C

Nhiệt độ sôi thực	Không áp dụng
Khả năng cháy (chất rắn, khí)	Không áp dụng
Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên	Không áp dụng
Áp suất hóa hơi	Không áp dụng
Tỷ trọng hơi	Không áp dụng
Tỷ trọng	840-890 kg/m ³ ở 15°C
Tính hòa tan	Tan trong nước
Hệ số phân chia nước/ Octanol	Không áp dụng
Nhiệt độ tự cháy - Nhiệt độ phân hủy Độ nhớt	Không áp dụng
Độ nhớt	Động học: 40 - 50 mm ² /s (40 - 50 đơn vị cSt) ở 40°C

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể nào cho sản phẩm này. Tham khảo Điều kiện để phòng tránh và Vật liệu không thích hợp để biết thêm thông tin.
Tính ổn định	Sản phẩm ổn định.
Khả năng gây các phản ứng nguy hại	Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra. Dưới tình trạng lưu trữ và sử dụng bình thường, polyme hóa nguy hại sẽ không xảy ra.
Tình trạng cần tránh	Tránh để gần những nơi có thể kích hỏa (tia lửa hoặc ngọn lửa). Phản ứng hay không tương thích với các chất sau: các chất ôxy hoá.
Các vật liệu không tương thích	Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, các sản phẩm phân hủy nguy hại sẽ không phát sinh.
Những sản phẩm phân hủy nguy hại	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể nào cho sản phẩm này. Tham khảo Điều kiện để phòng tránh và Vật liệu không thích hợp để biết thêm thông tin.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về tính độc hại

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động một lần

Tên thành phần	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan phơi nhiễm
Alkenyl amin chuỗi dài	Loại 3	Không áp dụng	Khả năng thích ứng đường hô hấp

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động hoặc phơi nhiễm lặp lại nhiều lần

Tên thành phần	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan phơi nhiễm
Alkenyl amin chuỗi dài	Loại 2	Đường miệng	Không áp dụng

Nguy hiểm bị ngạt từ
nôn mửa

Không có

Thông tin về các đường
tiếp xúc có thể xảy ra

Đường xâm nhập lượng trước được: Ngoài da, Hít phải.

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn :

Tiếp xúc mắt
Hít phải

Chưa có các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy hại nào
Việc hít phải hơi nước trong môi trường xung quanh thường không phải là vấn đề do áp suất hơi nước thấp

Tiếp xúc ngoài da

Khử mỡ dưới da. Có thể gây khô da và kích ứng.
Chưa có các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào

Nuốt phải

Chưa có các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy hại nào

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính :

Tiếp xúc mắt

Không có triệu chứng cụ thể nào

Hít phải

Có thể có hại qua đường hít thở nếu phơi nhiễm với hơi, bụi
sương hoặc khói do các sản phẩm sinh ra từ sự phân hủy nhiệt

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tiếp xúc ngoài da

Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu, khô da, nứt da



Nuốt phải

Chưa có thông tin cụ thể

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài :Phơi nhiễm ngắn hạn:

Các tác dụng tức thời có thể gặp	Chưa có
Các tác dụng chậm có thể gặp	Chưa có

Phơi nhiễm lâu dài:

Các tác dụng tức thời có thể gặp	Chưa có
Các tác dụng chậm có thể gặp	Chưa có

Tác dụng sức khỏe mãn tính tiềm ẩn:

Tổng quát	Chưa có các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào
Tính gây ung thư	Chưa có các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào
Tính đột biến	Chưa có các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào
Độc tính gây quái thai	Chưa có các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào
Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể	Chưa có các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào
Ảnh hưởng khả năng sinh sản	Chưa có các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào

Các số liệu đo lường độ độc :

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính	Không có sẵn
--------------------------------------	--------------

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Tác hại môi trường	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào
Độ bền và khả năng phân hủy	Được cho là có khả năng phân hủy bằng vi sinh

Khả năng tồn lưu	Sản phẩm này không được cho là tích lũy sinh học qua chuỗi thức ăn trong môi trường.
Hệ số phân cách đất/nước (KOC)	Không có
Tính cơ động	Lượng bị đổ ra có khả năng thấm vào đất gây ô nhiễm nước ngầm.
Hậu quả xấu khác	Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào.
Thông tin sinh thái khác	Lượng bị đổ ra có thể hình thành màng trên các bề mặt nước gây tổn hại về mặt vật lý đối với sinh vật. Việc truyền oxy cũng có thể bị suy yếu.

XIII. YÊU CAU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp thải bỏ	Cần tránh hoặc nếu có thể giảm thiểu việc tạo ra chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xử lý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Bất cứ lúc nào, việc thải bỏ sản phẩm, dung dịch hoặc sản phẩm phụ phải phù hợp với các yêu cầu của cơ quan bảo vệ môi trường, luật lệ xử lý chất thải, và quy định của chính quyền địa phương hay khu vực.
-------------------------	---

Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế.

XIV. YÊU CAU TRONG VẬN CHUYỂN

	IMDG	IATA
Số UN	Không quản lý.	Không quản lý.
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	-	-
(các) nhóm nguy hại vận chuyển	-	-
Quy cách đóng gói	-	-
Mối nguy cho môi trường	Không.	Không.
Thông tin bổ sung	-	-

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng

Không áp dụng

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của MARPOL 73/78 và Mã Thùng Trung Chuyển Số Lượng Lớn (IBC)

Không áp dụng

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Các quy định riêng về an toàn, y tế và môi trường cho sản phẩm	Chưa rõ có quy định quốc gia và/hoặc khu vực nào được áp dụng đối với sản phẩm này (bao gồm cả các thành phần của nó).
Phân loại chất độc (TCVN 3164-79)	Không được xếp vào loại nguy hiểm.

Danh sách quốc tế

Tình trạng Danh mục của Úc (AICS)

Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Canada

Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Trung Quốc (IECSC)

Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Tình Trạng REACH (Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn Chế các hoá chất)

Để biết trạng thái REACH của sản phẩm này, vui lòng hỏi ý kiến người liên hệ hỗ trợ công ty của bạn, như được xác định trong Mục 1.

Danh mục của Nhật (ENCS)

Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Hàn Quốc (KECI)

Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Phi-lip-pin (PICCS)

Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Đài Loan (CSNN)

Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Hoa Kỳ (TSCA 8b) (Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc)

Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Lịch sử :

Ngày phát hành/ Ngày hiệu chỉnh	Ngày 22 tháng 08 năm 2019
	Điều chỉnh: Ngày 01/08/2022
Ngày phát hành lần trước	Chưa phát hành
Chuẩn bị bởi	Q/C Dept
Bảng từ viết tắt	ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính BCF = Hệ số nồng độ sinh học GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế IBC = Côngtenơ khô trung IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế LogPow = Lôgarít của hệ số phân chia octanol/nước MARPOL 73/78 = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải)) UN = Liên hợp quốc

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Tất cả các thông tin về sức khỏe, an toàn và môi trường trong bảng dữ liệu là chính xác tính đến ngày được nêu dưới đây. Không có sự bảo đảm hoặc diễn đạt nào thể hiện hoặc ngụ ý về sự chính xác hoặc đầy đủ của số liệu và thông tin có trong bảng dữ liệu này.

Dữ liệu và lời khuyên đã cho áp dụng khi sản phẩm bán ra để sử dụng cho một hoặc nhiều ứng dụng đã nêu rõ. Nghĩa vụ của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn và tuân thủ các luật pháp và quy định được áp dụng. MiennamPetro sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ mọi thiệt hại hoặc tổn thương do sử dụng khác với công dụng của sản phẩm đã nêu rõ đối với chất này, do không tuân thủ các khuyến nghị, hoặc do bất kỳ sự nguy hiểm nào vốn có trong bản chất của sản phẩm. Những người mua sản phẩm để cung cấp cho bên thứ ba sử dụng tại nơi làm việc có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất kỳ người nào xử lý hoặc sử dụng sản phẩm đều được cung cấp thông tin trong tờ này.

Các nhà sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo với nhân viên và những người khác có thể bị ảnh hưởng bởi những rủi ro được mô tả trong tờ này và cần thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa.